

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN TRUNG XÔ

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY
HỘ KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG
THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH TỈNH ĐẮK NÔNG**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Đà Nẵng – Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN HÒA NHÂN

Phản biện 1: TS. ĐẶNG TÙNG LÂM

Phản biện 2: TS. NGUYỄN NGỌC THAO

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng họp tại Đắc Lắc vào ngày 3 tháng 10 năm 2016

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động tín dụng là một hoạt động cơ bản của Ngân hàng thương mại giúp tạo ra lợi nhuận chủ yếu cho các Ngân hàng trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên hoạt động này chứa đựng rủi ro rất cao, gây ra hậu quả nặng nề không chỉ đối với bản thân Ngân hàng mà còn đối với khách hàng vay và nền kinh tế.

Chất lượng tín dụng nổi lên là một vấn đề đáng quan tâm và lo ngại mà nguyên nhân chính là từ những hạn chế trong kiểm soát rủi ro tín dụng. Thực tế vẫn tồn tại nhiều khoản cấp tín dụng sơ sài, kiểm tra sử dụng vốn mang tính hình thức nên chứa đựng nhiều yếu tố phát sinh rủi ro hoặc những khoản tín dụng có dấu hiệu rủi ro như: Khách hàng không thể trả nợ đúng hạn; Khách hàng có hành vi lừa đảo; Tài sản bảo đảm giảm giá đáng kể... và các biến động bất lợi của nền kinh tế toàn cầu, sự phát triển thăng trầm của các ngành nghề trọng yếu luôn tiềm ẩn nguy cơ suy giảm chất lượng tín dụng lại chưa được nhận diện kịp thời chính là những lỗ hổng trong kiểm soát rủi ro tín dụng mà mỗi NHTM cần phải kịp thời khắc phục khi lộ trình hội nhập quốc tế đang ngày một đến gần.

Xuất phát từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh và tìm ra các giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh là hết sức cần thiết. Do vậy đề tài “*Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông*” được lựa chọn nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng của

Ngân hàng thương mại.

- Phân tích thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh tại Vietinbank Đắk Nông giai đoạn 2013-2015.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh tại Vietinbank Đắk Nông trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Toàn bộ những vấn đề lý luận liên quan đến việc kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của NHTM và thực tiễn kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của Vietinbank Đắk Nông.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài không nghiên cứu toàn bộ quá trình quản trị RRTD, mà chỉ tập trung nghiên cứu kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của Vietinbank Đắk Nông giai đoạn ba năm từ năm 2013 – 2015.

4. Phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài thực hiện theo phương pháp tiếp cận và nghiên cứu thực nghiệm để từ đó đưa ra kết luận và đề xuất các giải pháp. Trên cơ sở phân tích tình hình hoạt động trong cho vay hộ kinh doanh của Vietinbank Đắk Nông, đề tài tìm ra các nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng, nội dung kiểm soát rủi ro Chi nhánh đã triển khai. Từ đó, đưa ra những ưu và nhược điểm của công tác này. Đề xuất những biện pháp nhằm hoàn thiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của Vietinbank Đắk Nông.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề tài làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về tín dụng ngân hàng, kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay của Ngân hàng.

Trên cơ sở phân tích tình hình hoạt động trong cho vay hộ kinh doanh của Vietinbank Đắk Nông, đề tài tìm ra các nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng, nội dung kiểm soát rủi ro Chi nhánh đã triển khai. Từ đó, đưa ra những ưu và nhược điểm của công tác này. Đề xuất những biện pháp nhằm hoàn thiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của Vietinbank Đắk Nông.

6. Kết cấu luận văn

Chương 1: Lý luận cơ bản về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của các Ngân hàng Thương mại.

Chương 2: Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của Vietinbank Đắk Nông.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của Vietinbank Đắk Nông.

7. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ KINH DOANH CỦA NHTM

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hộ kinh doanh

a. Khái niệm hộ kinh doanh

Hộ kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng không quá mười lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

b. Đặc điểm hộ kinh doanh

- Chủ HKD có thể là cá nhân hoặc hộ gia đình
- Sử dụng không quá 10 lao động
- Không có tư cách pháp nhân, không có con dấu riêng
- Chịu trách nhiệm vô hạn trong hoạt động kinh doanh
- Hộ kinh doanh không phải là doanh nghiệp nên không áp dụng các quy định của pháp luật về luật phá sản doanh nghiệp.
- Năng lực, trình độ, điều hành, thông tin trong hoạt động kinh doanh hạn chế

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm cho vay hộ kinh doanh

a. Khái niệm cho vay hộ kinh doanh

- Khái niệm về cho vay hộ kinh doanh:

Cho vay HKD của NHTM là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay là NHTM giao hoặc cam kết giao cho HKD một khoản

tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

b. Đặc điểm cho vay hộ kinh doanh

- Quy mô của khoản vay thường nhỏ lẻ
- Số lượng các món vay nhiều
- Mức độ phân tán các khoản vay rất rộng
- Thủ tục của khoản vay đơn giản, gọn nhẹ
- Việc kiểm tra, giám sát khoản vay gặp nhiều khó khăn
- Chi phí tổ chức cho vay hộ kinh doanh cao

Cho vay HKD của NHTM là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay là NHTM giao hoặc cam kết giao cho HKD một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

1.1.3. Rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

a. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

Rủi ro tín dụng trong cho vay HKD là sự không đảm bảo về khả năng hoàn trả khoản tín dụng được cấp của HKD khi đến hạn tín dụng”.

b. Đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

- RRTD trong cho vay hộ kinh doanh mang tính tất yếu
- RRTD trong cho vay hộ kinh doanh mang tính gián tiếp
- RRTD trong cho vay hộ kinh doanh rất đa dạng, phức tạp
- RRTD trong cho vay hộ kinh doanh rất khó giám sát

c. Hậu quả của rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

- Tác động đến ngân hàng:
 - + Tổn thất vốn
 - + Giảm thu nhập, tăng chi phí, giảm lợi nhuận
 - + Giảm khả năng thanh khoản

+ Giảm uy tín, có thể phá sản

- Đối với bản thân khách hàng

Không có cơ hội tiếp cận với nguồn vốn ngân hàng và thậm chí là cả những nguồn khác trong nền kinh tế do đã mất đi uy tín.

-Tác động đến nền kinh tế:

Khi có một ngân hàng lâm vào tình trạng khó khăn dẫn đến phá sản, thì hiệu ứng dây chuyền rất dễ xảy ra trong toàn bộ hệ thống ngân hàng. Để bảo toàn tài sản của mình, người gửi tiền ồ ạt đến rút tiền ở các ngân hàng khác, làm cho hệ thống ngân hàng gặp nhiều khó khăn trong vấn đề chi trả và có nguy cơ mất khả năng thanh toán. Sự rối loạn của các ngân hàng thương mại sẽ ảnh hưởng lớn đến toàn bộ nền kinh tế làm cho nền kinh tế bị suy thoái, giá cả tăng, sức mua giảm, thất nghiệp tăng, khủng hoảng tài chính, xã hội mất ổn định.

1.1.4. Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của NHTM

a. Khái niệm quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay HKD là quá trình ngân hàng tiếp cận rủi ro tín dụng trong cho vay HKD một cách khoa học, toàn diện qua việc nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng bằng nhiều công cụ, phương pháp nhằm hạn chế thiệt hại tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra.

b. Nội dung của quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

- Nhận dạng rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh

- Đo lường rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

- Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

- Tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

1.2. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ KINH DOANH CỦA NHTM

1.2.1. Khái niệm kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

Là quá trình ngân hàng vận dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và các chương trình hoạt động để ngăn ngừa, né tránh, phân tán, giảm thiểu, trung hoà, chuyển giao, tự tài trợ nhằm giới hạn mức độ thiệt hại tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra.

1.2.2. Đặc điểm kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

- Kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thường xuyên và xuyên suốt trước, trong và sau khi cho vay nhằm hạn chế tối thiểu các rủi ro tín dụng trong cho vay HKD

- Trong kiểm soát rủi ro tín dụng, ngân hàng cần xem xét lựa chọn mục tiêu kiểm soát rủi ro trong quan hệ với mục tiêu tăng trưởng cho vay và các mục tiêu khác

1.2.3. Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của NHTM

Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay HKD bao gồm kiểm soát trước khi cho vay, trong khi cho vay và sau khi cho vay. Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay HKD có thể được thực hiện theo các phương pháp sau đây:

- Né tránh rủi ro tín dụng trong cho vay HKD
- Ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay HKD
- Phân tán rủi ro tín dụng trong cho vay HKD
- Giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay HKD
- Chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay HKD

1.2.4. Các tiêu chí phản ánh kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của NHTM

a. Biến đổi cơ cấu nhóm nợ theo mức độ rủi tín dụng

Trong cơ cấu dư nợ, tỷ trọng nợ nhóm 1 càng cao, các nhóm nợ còn lại càng thấp cho thấy chất lượng tín dụng tốt; nợ xấu thấp, rủi ro càng thấp và ngược lại.

b. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu

Nợ xấu bao gồm các khoản nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ càng cao thì chất lượng tín dụng càng kém và ngược lại. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu kỳ này so với kỳ trước cho thấy hiệu quả công tác quản lý nợ xấu. Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \text{Dư nợ xấu} / \text{Tổng dư nợ} \times 100 \%$$

c. Tỷ lệ trích lập dự phòng chung, dự phòng cụ thể

Trích lập dự phòng cụ thể theo công thức:

$$R = \max [0, (A - C)] \times r.$$

Trích lập dự phòng chung: bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 theo quy định tại điều 6 hoặc điều 7 của Quyết định 493 để đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng NHTM.

Mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng phản ánh mức độ rủi ro tín dụng của Ngân hàng dựa trên việc phân loại nợ theo mức độ rủi ro. Do đó, chỉ tiêu này nói lên sự chuẩn bị của một Ngân hàng cho các tổn thất tín dụng được dự kiến trước. Nếu dự phòng rủi ro tín dụng trong cho vay cao tức là tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ cũng cao và ngược lại.

d. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng

$$\text{Xóa nợ rỗng} = \text{Dư nợ xóa} - \text{Số tiền đã thu hồi}$$

Tỷ lệ xóa nợ rỗng trong kỳ = (Nợ xóa rỗng trong kỳ/Tổng dư nợ) x 100%

Từ việc tính toán các chỉ tiêu cụ thể nói trên, so sánh với mức kế hoạch đề ra để đánh giá kết quả kiểm soát RRTD trong cho vay HKD.

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh của NHTM

a. Nhóm nhân tố bên trong ngân hàng

- Chính sách tín dụng nói chung và chính sách cho vay HKD nói riêng

- Quy mô cho vay HKD
- Năng lực quản trị điều hành
- Nguồn thông tin tín dụng đối với khách hàng vay là HKD
- Các nhân tố về con người
- Nhân tố hạ tầng, công nghệ

b. Nhóm nhân tố từ bên ngoài ngân hàng

- Nhân tố liên quan đến khách hàng là hộ kinh doanh
- Môi trường kinh tế
- Môi trường pháp lý
- Môi trường thông tin
- Khách hàng không có đầy đủ thông tin về ngân hàng
- Chính sách của nhà nước
- Sự cạnh tranh của các ngân hàng

Kết luận Chương 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ KINH DOANH VIETINBANK ĐẮK NÔNG

2.1. GIỚI THIỆU VỀ VIETINBANK ĐẮK NÔNG

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý

2.1.4. Tình hình hoạt động kinh doanh

a. Hoạt động huy động vốn

Bảng 2.1. Kết quả huy động vốn giai đoạn 2013-2015

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2013	2014	2015
1	Tổng số vốn huy động	364.523	534.300	787.871
2	Cơ cấu huy động vốn			
2.1	<i>Theo kỳ hạn</i>			
	Ngắn hạn	325.435	470.184	691.113
	Trung và dài hạn	39.088	64.116	96.758
2.2	<i>Theo đối tượng khách hàng</i>			
	Dân cư	171.116	272.500	398.397
	Tổ chức kinh tế	193.408	261.800	389.474
3	Huy động vốn BQ / 01 LĐ	8.679	9.894	10.504
4	Tốc độ tăng trưởng (%)		46,57	47,45

(Nguồn: Vietinbank Đắk Nông)

Trong suốt quá trình hoạt động, Vietinbank Đắk Nông luôn tích cực tìm kiếm những cách thức, hướng đi mới nhằm khai thác triệt để các nguồn vốn nhàn rỗi trong các thành phần kinh tế để sử dụng sao cho mang lại hiệu quả cao nhất, bằng việc kết hợp sử dụng nhiều giải pháp đồng bộ như luôn chú trọng đổi mới và cho ra đời

nhiều sản phẩm dịch vụ tiện ích để đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu từ phía khách hàng; luôn duy trì các chính sách ưu đãi về lãi suất, phí và các chương trình quà tặng nhằm tri ân khách hàng...

b. Hoạt động cho vay

Bảng 2.2. Dư nợ theo thời hạn cho vay

ĐVT: Triệu đồng

Thời hạn vay	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số dư	Tỷ Trọng (%)	Số dư	Tỷ Trọng (%)	Số dư	Tỷ Trọng (%)
Dư nợ ngắn hạn	678.528	85,2	854.600	82,7	1.458.182	81,54
Dư nợ trung hạn	91.203	11,5	137.944	13,3	231.497	12,95
Dư nợ dài hạn	26.435	3,3	41.356	4,0	98.543	5,51
Tổng số	796.166	100,0	1.033.900	100,0	1.788.222	100,0
Tốc độ tăng trưởng (%)			29,85		72,95	

(Nguồn: Vietinbank Đắk Nông)

Xét về tăng trưởng tín dụng cho vay:

Nhìn chung hoạt động cho vay của chi nhánh có tốc độ tăng trưởng liên tục lần lượt qua các năm 2014, 2015 là 29,85% và 72,95%. Năm 2015, quy mô cho vay được mở rộng, chi nhánh mở thêm 02 phòng giao dịch Đắk Mil và Đắk R'lấp nên tốc độ tăng trưởng tương đối cao 72,95%. Cơ cấu dư nợ cho vay năm 2015 có sự thay đổi đáng kể, tỷ trọng cho vay ngắn và trung hạn giảm, dài hạn tăng lên từ 4% lên 5,51% sự thay đổi này ảnh hưởng bởi một số chính sách hỗ trợ cho vay của Nhà nước (xây dựng nhà ở, mua nhà, thuê nhà..).

c. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2013-2015

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng thu nhập	141.604	153.980	180.300
	Thu nhập từ hoạt động cho vay	103.267	121.825	159.751
	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác và thu nội bộ	35.771	27.493	13.139
	Thu nhập từ dịch vụ ngân hàng	2.565	4.662	7.410
2	Tổng chi phí	129.513	141.670	144.327
3	Lợi nhuận (lãi +; lỗ -)	12.091	12.310	35.973
4	Thu nhập bình quân /tháng/người	12,2	13,1	15,2
5	Biên lợi nhuận ròng	8,54%	9,19%	12,34%

(Nguồn: Vietinbank Đắk Nông)

Nhìn vào kết quả kinh doanh 3 năm qua của Vietinbank Đắk Nông, tình hình động kinh doanh của Chi nhánh nhìn chung khả quan, tăng trưởng và ổn định đã đảm bảo trang trải được toàn bộ chi phí khấu hao tài sản, trả lương CBCNV.

d. Nợ xấu

Trong những năm gần đây, Chi nhánh đã tập trung chỉ đạo thu hồi những khoản vay quá hạn cũng như nợ xấu. Nhưng nợ xấu của Chi nhánh thực sự chưa kiểm soát tốt vẫn chiếm phần lớn trong nợ quá hạn.

2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ KINH DOANH TẠI VIETINBANK ĐẮK NÔNG

2.2.1. Đặc điểm khách hàng hộ kinh doanh vay vốn tại chi nhánh

a. Số lượng hộ kinh doanh vay vốn tại chi nhánh

Bảng 2.5. Khách hàng hộ kinh doanh

Đvt: Hộ

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số hộ	Tỷ Trọng (%)	Số hộ	Tỷ Trọng (%)	Số hộ	Tỷ Trọng (%)
I. Hộ SXKD						
1. Nông nghiệp	1.466	94,28	2.813	94,65	6.257	95,21
2. Phi nông nghiệp	89	5,72	159	5,35	315	4,79
Tổng cộng	1.555	100	2.972	100	6.572	100
II. Tăng trưởng			(+,-)	%	(+,-)	%
1. Nông nghiệp			1.347	91,88	3.444	122,43
2. Phi nông nghiệp			70	78,65	156	98,11
Tổng cộng			1.417	91,13	3.600	121,13

(Nguồn: Vietinbank Đắk Nông)

- Xét về tỷ lệ tăng trưởng số hộ kinh doanh vay vốn:

Với chính sách tạo mọi điều kiện cho việc phát triển khách hàng, mở rộng quy mô, đẩy mạnh tăng trưởng dự nợ tín dụng cùng với sự nỗ lực của cán bộ nhân viên Chi nhánh trong việc tìm kiếm khách hàng mới nên số lượng HKD vay vốn tăng mạnh

- Xét về cơ cấu cho vay:

Nhìn chung số hộ tăng trưởng nhanh, đều qua các năm. Cơ cấu cho vay hộ sản xuất phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu cho vay HKD của Chi nhánh.

b. Tình hình cho vay hộ kinh doanh

Bảng 2.6. Dư nợ hộ kinh doanh theo ngành, lĩnh vực

Đvt: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Dư nợ	Tỷ Trọng (%)	Dư nợ	Tỷ Trọng (%)	Dư nợ	Tỷ Trọng (%)
I. Ngành, lĩnh vực						
Dịch vụ	18.365	3,62	20.214	2,88	26.257	2,07
Nông nghiệp nông thôn	328.758	64,87	459.307	65,55	828.923	65,49
Thương nghiệp	108.179	21,35	153.016	21,84	287.902	22,75
Tiêu dùng	50.480	9,96	67.042	9,57	121.235	9,58
Y tế	140	0,03	140	0,02	140	0,01
Khác	850	0,17	1.008	0,14	1.256	0,10
<i>Tổng cộng</i>	<i>506.772</i>	<i>100</i>	<i>700.727</i>	<i>100</i>	<i>1.265.713</i>	<i>100</i>
II. Tăng trưởng	-	-	+/-	%	+/-	%
Dịch vụ			1.849	10,07	6.043	29,90
Nông nghiệp nông thôn			130.549	39,71	369.616	80,47
Thương nghiệp			44.387	41,45	134.886	88,15
Tiêu dùng			16.562	32,81	54.193	80,83
Y tế			0	0	0	0
Khác			158	18,59	248	24,60
<i>Tổng cộng</i>			<i>193.955</i>	<i>38,27</i>	<i>564.986</i>	<i>80,63</i>

(Nguồn: Vietinbank Đắk Nông)

Qua bảng chúng ta dễ nhìn thấy đó là trong cơ cấu dư nợ trong cho vay HKD tại chi nhánh, tỷ trọng các ngành, lĩnh vực tương đối ổn định, thay đổi ít trong ba năm qua. Điều đó cũng cho thấy những bước đi thận trọng của ngân hàng trong hoạt động cho vay, duy trì cơ cấu hợp lý phù hợp tình hình kinh tế địa phương luôn đảm bảo mục tiêu an toàn hiệu quả.

2.2.2. Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh tại chi nhánh

a. Mục tiêu kiểm soát RRTD trong cho vay HKD của chi nhánh

- Thực hiện thu nợ, giám sát khoản vay, không để phát sinh nợ quá hạn.

- Kiểm soát chặt chẽ từng khoản vay, nợ xấu phát sinh. Kiểm soát tỷ lệ nợ xấu HKD dưới 3% so với tổng nợ xấu đến 2015 của Chi nhánh.

- Tích cực thu hồi nợ nhóm 2, nợ xấu.

- Trích đúng và trích đủ quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của ngân hàng nhà nước.

- Đảm bảo đủ nguồn dự phòng rủi ro để bù đắp rủi ro tín dụng.

- Đa dạng hóa danh mục đầu tư.

b. Thực trạng các biện pháp kiểm soát RRTD trong cho vay HKD Ngân hàng đã thực hiện

- Tổ chức bộ máy quản lý kiểm soát RRTD trong cho vay HKD tại chi nhánh.

- Triển khai thực hiện quản lý cấp tín dụng

+ Giới hạn tín dụng

Chi nhánh tuân thủ theo tiêu chuẩn và điều kiện của Vietinbank và luôn tuân thủ theo đúng quy định về an toàn tín dụng của NHNN.

- Thẩm định và kiểm soát RRTD các khoản vay
- Phân tán rủi ro tín dụng
- Giám sát khoản vay và xử lý nợ có vấn đề
- Chuyển giao rủi ro
- Kiểm soát tuân thủ tại chi nhánh

2.2.3. Kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ kinh doanh

a. Biến động cơ cấu nhóm nợ

Bảng 2.11. Biến động tỷ lệ nợ nhóm 2 đến nhóm 5, nợ xấu của HKD giai đoạn năm 2013 – 2015

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Chênh lệch			
				2014/2013		2015/2013	
				Số dư	%	Số dư	%
Dư nợ HKD	506.772	700.727	1.265.713	193.955	38,3	564.986	80,6
Nhóm 1	501.468	686.764	1.236.352	185.296	37,0	549.588	80,0
Nhóm 2	2.454	2.567	5.432	113	4,6	2.865	111,6
Nhóm 3	1.877	7.245	11.432	5.368	286,0	4.187	57,8
Nhóm 4	682	3.107	7.854	2.425	355,6	4.747	152,8
Nhóm 5	291	1.044	4.463	753	258,8	3.599	344,7
Tổng nhóm 2 – 5	5.304	13.963	29.361	8.659	163,3	15.398	110,3
Nợ xấu	2.850	11.396	23.929	8.546	299,9	12.533	110,0

(Nguồn: Vietinbank Đắk Nông)

Nhìn chung, dư nợ tín dụng HKD có chiều hướng tăng mạnh, nhưng tốc độ tăng vẫn thấp hơn so với tốc độ tăng dư nợ nhóm 2 đến nhóm 5 và nợ xấu. Cho thấy chất lượng tín dụng HKD ngày càng

giảm. đây chính là một trong những nguy cơ tiềm ẩn về nợ xấu và rủi ro tín dụng đối với tín dụng HKD và nó chính là vấn đề cần được chi nhánh cải thiện nhằm đảm bảo an toàn vốn, hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay khách hàng cá nhân trong thời gian tới.

b. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu trong cho vay hộ kinh doanh

c. Tỷ lệ trích lập dự phòng chung, dự phòng cụ thể các khoản vay khách hàng HKD

Chi nhánh đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ theo quy định. Tỷ lệ xử lý rủi ro so với số dư dự phòng trong những năm qua cho thấy tỷ lệ tổn thất tín dụng thực tế có đủ nguồn dự phòng để bù đắp.

d. Mức giảm tỷ lệ nợ xóa ròng

Chi nhánh thường xuyên kiểm tra đánh giá lại mức độ rủi ro khả năng thu hồi cho từng nhóm nợ để thực hiện xóa nợ ròng đối với các khoản nợ không còn khả năng thu hồi vốn, cụ thể từ 2013 đến 2015 như sau:

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH

2.3.1. Kết quả đạt được

2.3.2. Hạn chế

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Kết luận Chương 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ KINH DOANH TẠI VIETINBANK - CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU KIỂM SOÁT RRTD TRONG CHO VAY HKD CỦA VIETINBANK - CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

3.1.1. Định hướng phát triển chung

** Định hướng phát triển*

- Tiếp tục khẳng định vị thế đối với mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi của Vietinbank Đắk Nông là hoạt động ngân hàng thương mại.

- An toàn và hiệu quả trong kinh doanh là mục tiêu hàng đầu; Đảm bảo yếu tố rủi ro luôn thấp nhất.

- Phát triển trên nền tảng công nghệ hiện đại với nguồn nhân lực chất lượng cao và quản lý theo chuẩn mực quốc tế.

- Phát triển và mở rộng địa bàn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho toàn dân trên địa bàn.

** Định hướng kinh doanh*

Hoạt động ngân hàng thương mại tiếp tục được xác định là hoạt động cốt lõi của Vietinbank Đắk Nông với những định hướng cụ thể sau:

- Thị trường: Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường hiện có trong địa bàn và phát triển ra những địa bàn lân cận.

- Lĩnh vực kinh doanh: Lấy hoạt động ngân hàng thương mại là cốt lõi, trong đó tiếp tục củng cố, phát triển bán buôn đi đôi với đẩy mạnh bán lẻ, coi đó là cơ sở nền tảng để phát triển bền vững.

- Giữ vững vị trí hàng đầu của Vietinbank Đắk Nông về các mảng nghiệp vụ: thẻ, ngân hàng điện tử, tài trợ thương mại, kinh doanh vốn và Ngân hàng bán buôn.

- Mở rộng và từng bước phát triển các mảng nghiệp vụ ngân hàng đầu tư một cách phù hợp.

- Về sản phẩm: Tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm bán buôn, bán lẻ, các sản phẩm liên kết trên nền tảng công nghệ hiện đại; bên cạnh đó từng bước phát triển các sản phẩm ngân hàng đầu tư, dịch vụ bảo hiểm, các dịch vụ tài chính và phi tài chính khác.

- Về khách hàng, phát triển mạng lưới khách hàng đa dạng, phong phú và vững chắc.

- Marketing bán hàng: Chuyên nghiệp hóa hoạt động Marketing và bán hàng. Hội sở chính xây dựng chính sách, quản lý và hỗ trợ bán hàng các chi nhánh là đơn vị trực tiếp marketing và bán hàng.

3.1.2. Định hướng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng hộ kinh doanh

Trên tinh thần phấn đấu tăng trưởng và nâng cao chất lượng tín dụng phù hợp với kế hoạch đề ra, chi nhánh đưa ra một số định hướng trong hoạt động tín dụng và phòng ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng như sau:

- Tăng trưởng tín dụng ở mức độ vừa phải, đạt mục tiêu an toàn tín dụng là trên hết.

- Giảm tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%. Tập trung quyết liệt rà soát cụ thể từng khoản nợ đã được xử lý, giao chỉ tiêu thu hồi nợ xấu, đặc biệt là các khoản nợ đã được xử lý tới từng cán bộ tín dụng, hàng tháng có đánh giá kết quả thực hiện.

- Nỗ lực chủ động cùng khách hàng hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý về đảm bảo tiền vay để tăng cường trách nhiệm, nghĩa vụ của người vay, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý khi thu hồi nợ.

- Phân đầu tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng theo tiêu chuẩn quy định, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản lý rủi ro, năng lực phân tích thị trường.

- Ngoài việc duy trì mối quan hệ khách hàng cũ còn phải tích cực tìm kiếm, tiếp cận khách hàng mới có năng lực tài chính lành mạnh, lựa chọn các dự án đầu tư, phương án kinh doanh có tính khả thi, hiệu quả cao, nguồn trả nợ chắc chắn để xem xét cho vay, đảm bảo tăng trưởng đi đôi với chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao chất lượng quản lý rủi ro. Cùng cố hoạt động kiểm soát rủi ro để hoạt động có hiệu quả trong quản lý và giám sát rủi ro tín dụng. Thực hiện quản lý điều hành bằng quy trình, quy chế nghiệp vụ cụ thể. Chấp hành nghiêm túc nội quy lao động của chi nhánh trong mọi hoạt động. Chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

3.2.1. Thực hiện triển khai chính sách tín dụng hợp lý, hiệu quả.

3.2.2 Thực hiện tốt quy trình quản lý tín dụng

3.2.3. Phân tán rủi ro

3.2.4. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ

3.2.5. Giải pháp về nhân sự

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Chính phủ

- Điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ; phối hợp chặt chẽ,

đồng bộ với chính sách tài khóa và các chính sách khác để ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm tăng trưởng hợp lý.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu đối với các mặt hàng không khuyến khích. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xử lý nghiêm các vi phạm.

- Tập trung xử lý nợ xấu, tăng khả năng tiếp cận vốn; rà soát, loại bỏ các rào cản, vướng mắc; cải cách chính sách thuế, phí, lệ phí; đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là về đăng ký kinh doanh, tín dụng, thuế, hải quan, bất động sản... và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ hành lang pháp lý.

3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

Tạo môi trường công khai minh bạch, độc lập và khách quan cho thị trường và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin tín dụng (CIC).

- Nghiên cứu và chọn lọc các tiêu chuẩn quản lý rủi ro tín dụng theo hiệp ước Basel phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam để ban hành các tiêu chuẩn, chuẩn mực để các NHTM có thể tham khảo, thực hiện.

- Thường xuyên thanh tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật đối với các hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng nhằm chống lại sự cạnh tranh kém lành mạnh, tranh giành khách hàng của nhiều tổ chức tín dụng.

3.3.3. Đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Ngân hàng Vietinbank Đăk Nông tuy mới hoạt động nên chưa phát sinh nhiều vấn đề phức tạp, nợ xấu đang còn nằm trong tầm kiểm soát. Nên, ngoài những vấn đề tồn tại và các giải pháp đã tôi

nêu trên, để Chi nhánh Vietinbank Đắk Nông hoạt động hiệu quả bền vững, tôi xin đưa ra 3 vấn đề cấp bách hiện nay mà Vietinbank Việt Nam cần triển khai.

- Xây dựng nguồn lưu trữ dữ liệu để đảm bảo tốt việc triển khai công việc cũng như khai thác thông tin.

- Thường xuyên duy trì mối quan hệ tốt với các cơ quan chức năng liên quan ở địa phương như công an, viện kiểm sát, tòa án, Ủy ban nhân dân các địa phương nơi khách hàng cư trú hoặc nơi có tài sản thế chấp sẽ hỗ trợ chi nhánh rất nhiều trong việc quản lý khách hàng và thu hồi nợ.

- Chuẩn hoá nguồn nhân lực quản trị rủi ro chuyên nghiệp và hiện đại.

KẾT LUẬN

- Luận văn đã khái quát hoá cơ sở lý thuyết cơ bản về hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại, rủi ro tín dụng trong cho vay HKD của NHTM, nguyên nhân phát sinh và nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay HKD của NHTM.

- Luận văn đã nghiên cứu thực trạng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Đắk Nông trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015, đi sâu phân tích, lý giải thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay HKD tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh tỉnh Đắk Nông, qua đó đánh giá được những nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay HKD của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh tỉnh Đắk Nông.

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay HKD tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh tỉnh Đắk Nông, luận văn đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị có tính khả thi nhằm kiểm soát nợ xấu có hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới.

Để tháo gỡ, giải quyết được vấn đề này, cần có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa Vietinbank Đắk Nông, các cơ quan hữu quan và các khác hàng với nhau, có như vậy hoạt động tín dụng cho vay HKD của Vietinbank Đắk Nông mới đạt được hiệu quả cao, kích thích sự phát triển của các địa phương, đảm bảo sự tăng trưởng ổn định của nền kinh tế.